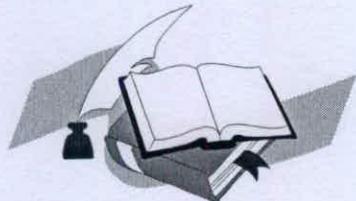


CÔNG TY CỔ PHẦN  
CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
của  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP**  
**(IMECO)**



TP. Hồ Chí Minh, tháng 05 năm 2012

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
của  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP**  
**(IMECO)**

-----★-----

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại phiên họp ngày 26 tháng 4 năm 2012 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số: 163/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2012 thay thế cho bản Điều lệ được thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2010.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Bản Điều lệ này qui định việc tổ chức và hoạt động của Công ty.



## MỤC LỤC

CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
ĐIỀU 1: Định nghĩa.....	5
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	6
ĐIỀU 2: Tên công ty .....	6
ĐIỀU 3: Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân.....	6
ĐIỀU 4: Trụ sở, chi nhánh và văn phòng đại diện .....	6
ĐIỀU 5: Người đại diện theo pháp luật.....	6
ĐIỀU 6: Thời hạn hoạt động.....	7
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	7
ĐIỀU 7: Mục tiêu của Công ty.....	7
ĐIỀU 8: Lĩnh vực và phạm vi kinh doanh .....	7
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG .....	7
ĐIỀU 9: Vốn Điều lệ, Cổ phần .....	7
ĐIỀU 10: Cổ đông và Sổ đăng ký cổ đông.....	8
ĐIỀU 11: Quyền của cổ đông .....	9
ĐIỀU 12: Nghĩa vụ của cổ đông .....	10
ĐIỀU 13: Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần.....	11
ĐIỀU 14: Mua lại cổ phần .....	12
ĐIỀU 15: Phát hành trái phiếu .....	13
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY .....	13
ĐIỀU 16: Cơ cấu tổ chức.....	13
MỤC 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	14
ĐIỀU 17: Đại hội đồng cổ đông.....	14
ĐIỀU 18: Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
ĐIỀU 19: Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và các đại diện được ủy quyền.....	16
ĐIỀU 20: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình và thông báo .....	16

ĐIỀU 21: Điều kiện và thể thức họp Đại hội đồng cổ đông .....	17
ĐIỀU 22: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	20
ĐIỀU 23: Thành phần và nhiệm kỳ.....	20
ĐIỀU 24: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	21
ĐIỀU 25: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	22
ĐIỀU 26: Thành viên Hội đồng quản trị .....	23
ĐIỀU 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	25
MỤC 3: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC .....	27
ĐIỀU 28: Tổ chức bộ máy điều hành.....	27
ĐIỀU 29: Cán bộ quản lý.....	27
ĐIỀU 30: Tổng Giám đốc.....	27
MỤC 4: BAN KIỂM SOÁT .....	29
ĐIỀU 31: Ban kiểm soát và Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát .....	29
ĐIỀU 32: Thành viên Ban kiểm soát.....	31
MỤC 5: CÁC VẤN ĐỀ KHÁC .....	32
ĐIỀU 33: Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên người quản lý công ty.....	32
ĐIỀU 34: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi và công khai lợi ích liên quan .....	32
ĐIỀU 35: Các Hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận .....	33
ĐIỀU 36: Trách nhiệm và bồi thường .....	34
 CHƯƠNG VI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....	34
ĐIỀU 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	34
 CHƯƠNG VII: HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC .....	35
ĐIỀU 38: Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.....	35
ĐIỀU 39: Chính sách đối với người lao động.....	35
 CHƯƠNG VIII: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN .....	35
ĐIỀU 40: Cỗ tức.....	35
ĐIỀU 41: Quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác của Công ty .....	36



<b>CHƯƠNG IX: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QỦY DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KÊ TOÁN VÀ KIÊM TOÁN.....</b>	<b>36</b>
ĐIỀU 42: Tài khoản ngân hàng.....	36
ĐIỀU 43: Năm tài chính .....	37
ĐIỀU 44: Hệ Thống kê toán .....	37
ĐIỀU 45: Kiểm toán.....	37
<b>CHƯƠNG X: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG .....</b>	<b>37</b>
ĐIỀU 46: Báo cáo hàng năm .....	37
ĐIỀU 47: Công bố thông tin và thông báo cho công chúng .....	38
<b>CHƯƠNG XI: QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU, HỒ SƠ, TÀI LIỆU CÔNG TY .....</b>	<b>39</b>
ĐIỀU 48: Con dấu và hồ sơ, tài liệu Công ty .....	39
<b>CHƯƠNG XII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>	<b>40</b>
ĐIỀU 49: Chấm dứt hoạt động.....	40
ĐIỀU 50: Giải thể theo yêu cầu của cổ đông.....	40
ĐIỀU 51: Thanh lý .....	40
<b>CHƯƠNG XIII: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>41</b>
ĐIỀU 52: Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	41
<b>CHƯƠNG XIV: HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>41</b>
ĐIỀU 53: Hiệu lực thi hành .....	41
ĐIỀU 54: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	42
ĐIỀU 55: Điều khoản cuối cùng .....	42



## CHƯƠNG I

### ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### **Điều 1. Định nghĩa**

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này yêu cầu hiểu khác đi, trong Điều lệ này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. “Công ty” là Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Công Nghiệp.
- 1.2. “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Công ty
- 1.3. “Địa bàn kinh doanh” là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- 1.4. “Kinh doanh” là thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.
- 1.5. “Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ này.
- 1.6. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- 1.7. “Ngày thành lập” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.
- 1.8. “Pháp luật” có nghĩa là các văn bản qui phạm pháp luật được ban hành theo pháp luật của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- 1.9. “Người quản lý công ty” có nghĩa là (i) thành viên Hội đồng quản trị, (ii) Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, (iii) người đại diện phần vốn của Công ty ở các doanh nghiệp khác mà giữ chức vụ Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc, Phó tổng giám đốc/Phó Giám đốc ở doanh nghiệp đó, (iv) và người đứng đầu các “Đơn vị trực thuộc” của Công ty.
- 1.10. “Người liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
  - a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con;
  - b. Công ty con đối với công ty mẹ;
  - c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
  - d. Người quản lý doanh nghiệp;
  - e. Vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
  - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;
  - g. Doanh nghiệp trong đó những người quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và g khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;



- h. Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thâu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
- 1.11. “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

**CHƯƠNG II**  
**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên Công ty**

- 2.1. Tên Công ty bằng tiếng Việt là:  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & XÂY LẮP CÔNG NGHIỆP**
- 2.2. Tên Công ty bằng tiếng Anh là:  
**MECHANICAL & INDUSTRIAL CONSTRUCTION  
JOINT STOCK COMPANY**
- 2.3. Tên viết tắt của Công ty: **IMECO**
- 2.4. Logo của Công ty là:



**Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân**

- 3.1. Công ty là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- 3.2. Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam.

**Điều 4. Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện**

- 4.1. Trụ sở Công ty.  
Trụ sở công ty đặt tại: 929-931 Quốc lộ 1A, Phường Thới An, Quận 12, TP. HCM.

Điện thoại số: 84. 83 37173554/ 37173237/ 37173238

Fax số: 84. 83 37173454/ 37173452

E-mail: [imeco@hcm.vnn.vn](mailto:imeco@hcm.vnn.vn)

Website: [www.imecovn.com](http://www.imecovn.com)

- 4.2. Công ty được thành lập các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện, văn phòng giao dịch tại Việt Nam và ở nước ngoài theo qui định của pháp luật.
- 4.3. Địa bàn hoạt động của Công ty là trong nước và nước ngoài.

**Điều 5. Người đại diện theo pháp luật**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị** là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 6. Thời hạn hoạt động**

Thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày thành lập là vô thời hạn, trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 49 của Điều lệ này.

**CHƯƠNG III****MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****Điều 7. Mục tiêu của Công ty**

Công ty được thành lập để huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động; tăng lợi tức cho các Cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

**Điều 8. Lĩnh vực và Phạm vi kinh doanh**

8.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- a. Chế tạo và lắp đặt các sản phẩm cơ khí, máy móc thiết bị công nghiệp, thiết bị chế biến thực phẩm, dược phẩm, thiết bị xử lý môi trường, lò hơi, thiết bị áp lực và đường ống công nghệ, lắp đặt máy móc thiết bị, điện, nước và hoàn thiện công trình; lắp đặt các thiết bị điện hạ thế và trung thế đến 22KV;
- b. Chế tạo và lắp dựng kết cấu thép; sản xuất tấm lợp - xà gồ thép và khung nhà tiền chế;
- c. Xây dựng dân dụng và công nghiệp; đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, tạo bãi; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng và kho bãi; xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, bao gồm: các công trình giao thông, công trình cấp thoát nước; khai thác, cung cấp nước sạch và xử lý nước thải;
- d. Tư vấn, thiết kế và chuyển giao công nghệ các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và xử lý môi trường;
- e. Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

8.2. Công ty được tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ này và qui định của pháp luật.

8.3. Công ty có thể tiến hành các hình thức kinh doanh khác mà pháp luật không cấm khi Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty.

**CHƯƠNG IV  
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG****Điều 9. Vốn Điều lệ và Cổ phần**

9.1. Vốn Điều lệ của Công ty là: **35.999.480.000VNĐ** (ba mươi lăm tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng Việt Nam).



Vốn điều lệ của Công ty được chia thành **3.599.948** (ba triệu năm trăm chín mươi chín ngàn chín trăm bốn mươi tám) cổ phần phổ thông với mệnh giá là **10.000 VNĐ** cho một cổ phần.

#### 9.2. Loại cổ phần

Cổ phần của Công ty gồm cổ phần phổ thông và có thể có cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi có quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ phần phổ thông không được chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

#### 9.3. Công ty có thể tăng Vốn điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các qui định của pháp luật.

Số cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành để tăng Vốn điều lệ của Công ty sẽ được ưu tiên chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần phổ thông mà họ đang nắm giữ. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần mới trong thời hạn ba mươi (30) ngày để cổ đông đăng ký mua.

Nếu có cổ đông từ chối mua cổ phần mới phát hành thì quyền bán những cổ phần này thuộc về Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quyết định bán các cổ phần này cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.

### Điều 10. Cổ đông và Sổ đăng ký cổ đông

- 10.1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 10.2. Cổ đông sáng lập cam kết nắm giữ tối thiểu 20% số vốn Điều lệ trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập. Hết thời hạn 3 năm, hạn chế trên bị bãi bỏ và tất cả cổ phần của cổ đông sáng lập chuyển thành cổ phần phổ thông và được tự do chuyển nhượng.
- 10.3. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một Sổ chứng nhận cổ đông (cổ phiếu) theo qui định của Luật Doanh nghiệp. Sổ chứng nhận cổ đông phải được đóng dấu của Công ty và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tùy thời điểm, Hội đồng quản trị có thể quy định việc thay đổi hình thức ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của cổ đông phù hợp với pháp luật và Điều lệ này.
- 10.4. Nếu sổ chứng nhận cổ đông bị hỏng, hoặc bị tẩy xoá, hoặc bị mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ thì cổ đông có quyền đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu khác với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị cấp cổ phiếu mới của cổ đông phải có cam đoan về các (i) lý do đề nghị cấp lại cổ phiếu; (ii) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
- 10.5. Người sở hữu sổ chứng nhận cổ đông phải chịu trách nhiệm về việc bảo quản sổ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp sổ chứng nhận cổ đông này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.



- 10.6. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;
  - Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
  - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;
  - Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 10.7. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

## Điều 11. Quyền của Cổ đông

- 11.1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
- Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
  - Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, trừ trường hợp cổ đông sáng lập bị hạn chế theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật doanh nghiệp;
  - Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty;
  - Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 11.2. Cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có các quyền sau đây:
- Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

- c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này;
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp.
- 11.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 Điều lệ này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
  - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- 11.4. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

- 12.1. Thanh toán một lần và đầy đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 12.2. Việc thanh toán trị giá số cổ phần cam kết mua có thể thực hiện bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi hay bằng tài sản theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 12.3. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phỗ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức trừ trường hợp được Công ty hay người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
- 12.4. Tuân thủ và thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 12.5. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.



- 12.6. Trường hợp Công ty bị phá sản theo Luật phá sản thì cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 12.7. Phải hoàn trả cho Công ty:
  - a. Số tiền hoặc tài sản khác đã nhận được do việc Công ty thanh toán các cổ phần được mua lại không đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.
  - b. Số cổ tức được chia không hợp pháp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 12.8. Sự vỡ nợ, phá sản, chết, tổ chức lại, giải thể của bản thân cổ đông hay sự vi phạm pháp luật của người đại diện của cổ đông không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 12.9. Cổ đông, người đại diện của cổ đông chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác;
  - c. Thanh toán những khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

### **Điều 13. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần**

- 13.1. Tất cả các cổ phần đều có thể tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Nếu cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán, việc chuyển nhượng sẽ tuân thủ theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 13.2. Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh phải thể hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo qui định của Hội đồng quản trị. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.
- 13.3. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng xong trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đến trước ngày khai mạc thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đổi với số cổ phần đã chuyển nhượng. Trong trường hợp này, người nhận chuyển nhượng cổ phần phải xuất trình đầy đủ các bằng chứng chứng minh đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng cổ phần theo qui định.
- 13.4. Chuyển nhượng số cổ phần được mua ưu đãi
 

Trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông không được chuyển nhượng số cổ phần được mua ưu đãi. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 13.5. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không được chuyển nhượng quá 50% số cổ phần sở hữu. Khi có nhu cầu chuyển nhượng phải được sự đồng ý của Hội đồng quản trị.



- 13.6. Trong trường hợp cổ đông bị chết, người thừa kế hợp pháp của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) có quyền sở hữu đối với cổ phần của người chết theo qui định của pháp luật về thừa kế và Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 14. Mua lại cổ phần**

##### **14.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông**

- a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.
- b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

##### **14.2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty**

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Việc mua lại cổ phần ưu đãi sẽ theo chính sách phát hành loại cổ phần ưu đãi đó;
- c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;
- d. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và



số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

- 14.3. Thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại
  - a. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác;
  - b. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán;
  - c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được thu hồi và tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty;
  - d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.
- 14.4. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban điều hành có liên quan đến qui trình mua lại cổ phần phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

#### **Điều 15. Phát hành trái phiếu**

- 15.1. Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo qui định của pháp luật.
- 15.1. Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu phát hành, tổng giá trị trái phiếu phát hành và thời điểm phát hành và phải báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất.
- 15.1. Trái phiếu của Công ty có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng và tài sản khác theo qui định của pháp luật. Hội đồng quản trị quy định cụ thể phương tiện thanh toán theo từng kỳ phát hành trái phiếu.

## **CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY**

#### **Điều 16. Cơ cấu tổ chức**

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- 16.1. Đại hội đồng cổ đông;



- 16.2. Hội đồng quản trị;
- 16.3. Ban kiểm soát;
- 16.4. Tổng Giám đốc;
- 16.5. Các đơn vị và chức danh quản lý khác của Công ty.

## MỤC 1

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

#### **Điều 17. Đại hội đồng cổ đông**

- 17.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong vòng bốn (4) tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính.
- 17.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
  - a. Báo cáo tài chính hằng năm;
  - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh ở công ty;
  - c. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 17.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn điều lệ đã bị giảm một nửa trở lên;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 17.4. Quyền hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo điểm d và e Điều 17.3 của Điều lệ này như sau:



- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d Điều 17.3 trên đây, có thể triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo qui định của pháp luật;
- d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông hợp lệ theo Điều lệ này sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và di lại.

**Điều 18. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.**

Đại hội đồng Cổ đông có các quyền và nhiệm vụ theo qui định của pháp luật và theo Điều lệ này, cụ thể như sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Công ty;
- c. Quyết định loại cổ phần, tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- d. Quyết định mua lại trên mươi phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại, trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định;
- e. Quyết định hình thức và mức trả cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- f. Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán;
- g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát; xem xét, xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- h. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- i. Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ;
- j. Quyết định các dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- k. Quyết định việc góp vốn thành lập doanh nghiệp, góp vốn vào doanh nghiệp, mua cổ phần có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- l. Các quyền và nhiệm vụ khác của Đại hội đồng cổ đông theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 19. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông và các đại diện được ủy quyền**

- 19.1. Đại biểu đương nhiên được tham dự Đại hội đồng cổ đông là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông Công ty.
- 19.2. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung hoặc theo mẫu khác mà Hội đồng quản trị chấp thuận.
- 19.3. Lá phiếu bầu của đại diện được ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền sẽ có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:
  - a. Chết hoặc bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi;
  - b. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền sau khi đã biểu quyết.

**Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình và thông báo**

- 20.1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
- 20.2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Làm thủ tục thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chậm nhất hai mươi (20) ngày làm việc để Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Thông báo bằng văn bản cho tất cả các cổ đông về dự Đại hội đồng cổ đông theo danh sách của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- 20.3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:
  - a. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên phương tiện thông tin của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, trên website của Công ty, một (01) tờ báo trung ương hoặc (01) tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính.
  - b. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng



ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi đi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

- 20.4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại Điều 11.2 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được lập thành văn bản và phải được gửi cho Hội đồng quản trị ít nhất ba ngày trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi đầy đủ các thông tin: (i) họ và tên cổ đông, (ii) số lượng cổ phần nắm giữ (iii) nội dung đề nghị đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông.
- 20.5. Đối với từng vấn đề trong chương trình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

## **Điều 21. Điều kiện và thể thức họp Đại hội đồng cổ đông**

### **21.1. Điều kiện họp Đại hội đồng cổ đông.**

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nói trên thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
- c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b nói trên thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

### **21.2. Thể thức họp Đại hội đồng cổ đông.**

- a. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ tọa, nếu Chủ tịch vắng mặt thì thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra chủ tọa Đại hội đồng cổ đông trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất là chủ tọa cuộc họp;
- b. Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu phải được công bố cho Đại hội đồng cổ đông;



- c. Chủ toạ được bầu của Đại hội đồng cổ đông đề cử một thư ký để lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát việc kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ toạ sẽ chọn những người đó.
- 21.3. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 99 của Luật Doanh nghiệp.
- 21.4. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục duy trì cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự Đại hội đồng cổ đông.
- 21.5. Khi cổ đông đăng ký dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biếu quyết một thẻ biếu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biếu quyết của cổ đông đó.
- 21.6. Việc biếu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biếu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biếu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biếu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 21.7. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký và ngay sau đó có quyền tham gia và biếu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dừng Đại hội đồng cổ đông đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các biếu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
- 21.8. Quyết định của Chủ toạ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 21.9. Không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông, bất cứ lúc nào Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ toạ quyết định nếu nhận thấy rằng:
- a. Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Hành vi của những người tham dự cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của Đại hội đồng cổ đông, hoặc
  - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự Đại hội đồng cổ đông cần thiết, Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có thể trì hoãn Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội đồng cổ đông bị trì hoãn trước đó.
- 21.10. Chủ toạ của Đại hội đồng cổ đông hoặc thư ký của Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết hoặc theo kiến nghị của đa số đại biểu tham dự để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự.
- 21.11. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu cổ đông hoặc đại biểu được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trực xuất bất kỳ cổ đông và đại biểu được ủy

quyền nào không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc những biện pháp an ninh ra khỏi Đại hội đồng cổ đông.

- 21.12. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lập các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là các bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và thư ký Đại hội đồng cổ đông ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các Cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

## **Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- 22.1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 65% trở lên trên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội cổ đông, trừ trường hợp quy định tại điểm b, Điều 22.1.
  - Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán; sửa đổi và bổ sung Điều lệ; đầu tư hoặc bán tài sản lớn hơn 50% giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty phải được thông qua bởi từ 75% trở lên trên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- 22.2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết. Hội đồng quản trị phải gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông này có thể ra quyết định có đầy đủ thông tin. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
  - Mục đích lấy ý kiến;
  - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;



- 22.3. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số phiếu bầu quyết chấp thuận.
- 22.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của ít nhất 05 cổ đông sở hữu ít nhất 30% vốn điều lệ không làm nhiệm vụ quản lý Công ty. Những người này phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của việc kiểm phiếu nói trên.
- 22.5. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 22.6. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 22.7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 22.8. Việc biểu quyết bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hay một số ứng cử viên.

## MỤC 2

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ**

- 23.1. Hội đồng quản trị gồm từ năm đến bảy thành viên, do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 23.2. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại. Khi bầu lại thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất 1/3 số thành viên phải được bầu lại. Ít nhất 1/3 số thành viên hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành.
- 23.3. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- 23.4. Kết quả bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo ít nhất trên hai tờ báo kinh tế chính thức được nhiều người biết đến tại Việt Nam trong vòng năm (5) ngày kể từ khi được bầu.
- 23.5. Thư ký Hội đồng quản trị  

Hội đồng quản trị chỉ định một cán bộ đang làm việc tại Công ty kiêm nhiệm chức danh thư ký Hội đồng quản trị. Phụ cấp kiêm nhiệm của thư ký do Hội đồng quản trị quyết định. Thư ký Hội đồng quản trị có nhiệm vụ tổ chức các

cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; lập biên bản các cuộc họp, tư vấn về thủ tục cuộc họp, cung cấp thông tin tài liệu, chứng từ cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

#### **Điều 24. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

- 24.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 24.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;
  - d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
  - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 Điều 91 của Luật Doanh nghiệp;
  - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng và quyết định mức lương của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ trực thuộc Hội đồng quản trị quản lý, Giám đốc điều hành và Giám đốc Nhà máy của Công ty;
  - g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư sử dụng vốn Công ty có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các giao dịch, hợp đồng theo quy định tại Khoản 1 và khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp;
  - i. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
  - j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - l. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
  - m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - n. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

- o. Quyết định các khoản đầu tư khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm có giá trị dưới một tỉ đồng;
- p. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- 25.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 25.2. Nếu các cổ đông chấp thuận rằng Chủ tịch có thể đồng thời là Tổng giám đốc, quyết định này cần phải được khẳng định hàng năm vào kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.
- 25.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, phân công cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp của Hội đồng quản trị;
  - c. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - d. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - f. Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo qui định của pháp luật và của Điều lệ này;
  - g. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - h. Ký các văn bản, hợp đồng, quyết định, tài liệu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đã được Hội đồng quản trị thông qua hoặc được Hội đồng quản trị ủy nhiệm;
  - i. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật hoặc ký hợp đồng, mức lương đối với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ trực thuộc Hội đồng quản trị;
  - j. Được ủy quyền và chịu sự ủy quyền của mình;
  - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
- 25.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một trong số họ tạm thời thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của

chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi chủ tịch Hội đồng quản trị có mặt hoặc có khả năng làm việc.

- 25.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị được hưởng lương. Mức lương cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Chủ tịch Hội đồng quản trị phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

## **Điều 26. Thành viên Hội đồng quản trị**

- 26.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
  - Là cổ đông cá nhân hay đại diện của cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông hoặc là người khác có trình độ chuyên môn về kinh doanh, tài chính hay có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh ít nhất ba (03) năm;
  - Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- 26.2. Đề cử người vào Hội đồng quản trị:
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5 % đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử một (1) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử hai (2) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử ba (3) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 65% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử bốn (4) ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị;
  - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 65% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn 6 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử đủ số ứng viên để bầu vào Hội đồng quản trị;

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế nhất định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải theo nguyên tắc bầu dồn phiếu.

- 26.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị:

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 25.3;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị được chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền. Thay mặt chủ tịch thực hiện công việc được ủy quyền trong thời hạn chủ tịch vắng mặt;
- c. Các thành viên Hội đồng quản trị khác trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được chủ tịch Hội đồng quản trị phân công, không ủy quyền cho người khác. Nhiệm vụ được cụ thể như sau:
  - Nghiên cứu đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.
  - Được quyền yêu cầu các cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ của mình.
  - Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình.
  - Thực hiện Điều lệ của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị.

26.4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo qui định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến Hội đồng quản trị của Công ty;
- c. Thành viên đó bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng minh thành viên đó bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng liên tục mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Thành viên đó là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó;

26.5. Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm không nhận lương mà được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Mức thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

26.6. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh



trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

##### **27.1. Các cuộc họp thường kỳ**

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thông báo thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần.

##### **27.2. Các cuộc họp bất thường**

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hay ít nhất năm (05) người quản lý khác trong công ty;
- c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Tự Chủ tịch Hội đồng quản trị xem cần phải họp.

Các đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

##### **27.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại khoản 2 điều này. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người đề nghị tổ chức họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.**

##### **27.4. Địa điểm họp**

Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính đã được đăng ký của Công ty hoặc bất kỳ nơi nào thuộc lãnh thổ Việt Nam mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp và thuận tiện nhất.

##### **27.5. Thông báo và chương trình họp**

Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên của Hội đồng quản trị 5 ngày trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

##### **27.6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bờ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.**



27.7. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

27.8. Biểu quyết

- a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc Người liên quan của thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng thành viên tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ quyết định nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

27.9. Tuyên bố lợi ích

Thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đang được dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các quyết định đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### MỤC 3

## TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

### Điều 28. Tổ chức bộ máy điều hành

Công ty có bộ máy điều hành gồm Tổng giám đốc, các Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Bộ máy điều hành chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành có thể là thành viên Hội đồng quản trị.

### Điều 29. Cán bộ quản lý

- 29.1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số lượng nhất định các cán bộ quản lý. Cán bộ quản lý phải có sự mắn cần cần thiết để thực hiện các hoạt động của Công ty nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.
- 29.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc) sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý khác sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

### Điều 30. Tổng Giám đốc

#### 30.1. Bổ nhiệm

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- a. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
- b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng thuê lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- c. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và hợp đồng lao động ký với Công ty. Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty. Nếu



điều hành trái với các quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

- d. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Giám đốc điều hành các lĩnh vực. Các Giám đốc điều hành được Tổng Giám đốc phân công điều hành chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc về các phần việc được phân công.

30.2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Kiến nghị Hội đồng quản trị phê duyệt cơ cấu tổ chức, biên chế lao động và quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- e. Tổng Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm bãi nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương, khen thưởng và kỷ luật Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy của Công ty. Quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được quy định tại điểm f Điều 24.2 của Điều lệ này;
- f. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
- g. Tuyên dụng lao động và ký hợp đồng lao động trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị được quy định tại điểm f Điều 24.2 của Điều lệ này;
- h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i. Theo sự ủy nhiệm của người đại diện Pháp luật của Công ty, Tổng Giám đốc thay mặt Công ty ký kết các loại hợp đồng thương mại, kinh doanh, dân sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị bản kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm để trình Hội đồng quản trị phê chuẩn.
- k. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

30.3. Điều kiện và tiêu chuẩn làm Tổng Giám đốc:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- b. Tốt nghiệp đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;



- d. Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Giám đốc, Tổng Giám đốc của bất kỳ doanh nghiệp nào khác;
- e. Những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, liên quan đến Tổng Giám đốc không được đảm nhiệm hoặc được ủy quyền đảm nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và Kế toán trưởng Công ty.

**30.4. Từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Tổng Giám đốc:**

- a. Tổng Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;
- b. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
  - Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự bởi quyết định tòa án;
  - Từ chức, tự ý bỏ nhiệm sở hoặc không hoàn thành nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ này;
  - Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý Doanh nghiệp theo Điều 13 Luật doanh nghiệp;
  - Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quyết định của Toà án;
- c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành và bỏ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế trong thời gian tối đa ba mươi (30) ngày làm việc. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo;

**30.5. Ủy quyền của Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc có thể ủy quyền hoặc ủy nhiệm bằng văn bản cho một trong số các Giám đốc điều hành và các chức danh khác của Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc trong Công ty, nhưng Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm pháp lý về sự ủy quyền hoặc ủy nhiệm này.

**30.6. Trách nhiệm người được ủy quyền:**

Người được ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm theo sự ủy quyền, ủy nhiệm.

## **MỤC 4 BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 31. Ban Kiểm soát và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát**

- 31.1. Ban Kiểm soát có ba thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên nhưng không đồng thời là nhân viên của Công ty hay của tổ chức kiểm toán cho Công ty. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Trưởng Ban Kiểm soát do các thành viên Ban Kiểm soát bầu và phải là cổ đông của Công ty.
- 31.2. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:



- a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
  - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
  - c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty bất cứ khi nào nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Doanh nghiệp;
  - e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;
- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
- f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
  - g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay Giám đốc điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - h. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

31.3. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

31.4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát; phải bảo đảm rằng bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

31.5. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;



- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát; và
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- 31.6. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quy định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực hiện công việc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 31.7. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu có trong các cuộc họp là hai người.

### **Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát**

- 32.1. Quyền đề cử người vào Ban kiểm soát:
  - a. Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10 % (mười phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian sáu tháng liên tục trở lên có quyền đề cử các ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát. Nếu tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết nắm trong khoảng từ 10% đến dưới 30% thì được phép đề cử 01 người; nếu từ 30% đến 50% được đề cử 02 người, từ 50% trở lên được đề cử đủ 3 người.
  - b. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ sáu tháng liên tiếp trở lên có quyền thỏa thuận với nhau để đạt 10% trở lên để đề cử thành viên Ban kiểm soát.
- 32.2. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu theo nguyên tắc bầu dồn phiếu. Ban kiểm soát có nhiệm kỳ năm (05) năm và các thành viên có thể được bầu lại. Khi bầu thành viên của Ban Kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu phải bầu mới ít nhất một thành viên Ban Kiểm soát.
- 32.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người có liên quan, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, không được làm thành viên Ban Kiểm soát.
- 32.4. Một thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản gửi đến Ban kiểm soát;
  - c. Thành viên đó bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có đủ năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong 12 tháng liên tục;
  - e. Thành viên đó là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện.
- 32.5. Thành viên Ban kiểm soát nếu không hoàn thành nhiệm vụ của mình, tiết lộ thông tin của doanh nghiệp cho bên ngoài, báo cáo không trung thực hoặc thiếu cẩn



trọng, thiếu sự mẫn cảm và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

- 32.6. Thành viên Ban kiểm soát sẽ bị bãi miễn nếu sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ cho lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

## MỤC 5 CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

### **Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên người quản lý công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành và người quản lý công ty khác phải thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người cẩn thận nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 34. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi và công khai lợi ích liên quan**

- 34.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý công ty không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ cho lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
- 34.2. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý công ty và người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng có quyết định khác.
- 34.3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ công khai lợi ích liên quan với Công ty, bao gồm:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người liên quan của họ cùng sở hữu hay sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên ba mươi lăm phần trăm (35%) vốn điều lệ.
- 34.4. Việc kê khai phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. Việc kê khai này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.



34.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện sau khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

**Điều 35. Các Hợp đồng phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.**

- 35.1. Tất cả các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ;
  - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, thành viên Ban kiểm soát;
  - Doanh nghiệp quy định tại Điều 34.3 của Điều lệ này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- 35.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch nói tại Khoản 1 nói trên có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này, Tổng giám đốc phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết;
- Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 35.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác nói tại Điều 35.1 trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điều 35.2. Trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết và hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
- 35.4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điều này. Tổng giám đốc, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
- 35.5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, một cán bộ quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất kỳ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá trị của các cổ phiếu đó mà các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.



### **Điều 36. Trách nhiệm và bồi thường**

#### **36.1. Trách nhiệm:**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ trung thực, không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

#### **36.2. Bồi thường:**

Công ty sẽ bồi thường cho người quản lý công ty nếu như người đó đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu:

- a. Người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty;
- b. Người đó đã hành động trên cơ sở tuân thủ pháp luật;
- c. Người đó đã hành động đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty; và
- d. Không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình;
- e. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG VI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

- 37.1 Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 11.2 đều có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty, danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện.
- 37.2 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 37.3 Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Nếu Công ty có một website, Điều lệ này phải được đưa lên website đó.

## CHƯƠNG VII

### HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC

#### **Điều 38. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác:**

- 38.1. Tổ chức Đảng trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- 38.2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức chính trị-xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

#### **Điều 39. Chính sách đối với người lao động**

- 39.1. Tổng Giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bông, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như mối quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.
- 39.2. Công ty sẽ tổ chức Đại hội công nhân viên chức mỗi năm một lần vào quý I năm sau.

## CHƯƠNG VIII

### PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

#### **Điều 40. Cổ tức**

- 40.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm quy định sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Trường hợp có thay đổi tỷ lệ chia cổ tức thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 40.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức mỗi năm một lần hoặc giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.
- 40.3. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan đến một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam. Nếu chi trả bằng cổ phần thì phải có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng cổ phần thay cho cổ tức bằng tiền mặt và được coi như là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi đã có đủ thông tin chi tiết về ngân hàng mà cổ đông cung cấp cho Công ty, phí ngân hàng do cổ đông chịu. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đã lưu ký hoặc niêm yết trên sàn chứng khoán được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

- 40.4. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông được quyền nhận cổ tức, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu liên quan.
- 40.5. Trường hợp Công ty đã lưu ký và niêm yết trên sàn chứng khoán khi chia cổ tức cho cổ đông thì ngày thực hiện quyền nhận cổ tức (ngày khoá sổ) phải thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán.
- 40.6. Sau một (01) năm kể từ ngày trả cổ tức, nếu không có người nhận thì Hội đồng quản trị sẽ sử dụng tiền cổ tức này vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sau hai (02) năm kể từ ngày trả cổ tức mà vẫn không có người đến nhận thì Hội đồng quản trị sẽ nhập số cổ tức đó vào quỹ của Công ty.
- 40.7. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan đến loại cổ phiếu mà Công ty đã phát hành.
- 40.8. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

#### **Điều 41. Quỹ dự phòng tài chính và các quỹ khác của Công ty**

- 41.1. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn Điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn Điều lệ của Công ty.
- 41.2. Các quỹ khác được trích từ lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ % do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm phụ thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của năm đó và nhu cầu chi tiêu các quỹ của Công ty.

### **CHƯƠNG IX TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**

#### **Điều 42. Tài khoản ngân hàng**

- 42.1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam và/ hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

- 42.2. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

**Điều 43. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng giêng hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh) và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 năm đó.

**Điều 44. Hệ thống kế toán**

- 44.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 44.2. Công ty lập sổ kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 44.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

**Điều 45. Kiểm toán**

Theo qui định của pháp luật và/hoặc khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết, sẽ mời một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính, dựa trên những Điều khoản và Điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

**CHƯƠNG X  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ  
THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

**Điều 46. Báo cáo hàng năm**

- 46.1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Bộ Tài chính, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 46.2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi lỗ của Công ty trong năm tài chính và một Bản cân đối kế toán cho thấy một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo kể cả báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- 46.3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được đưa lên trang web (nếu có).



- 46.4. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

**Điều 47. Công bố thông tin và thông báo cho công chúng**

Khi Công ty trở thành Công ty đại chúng theo qui định của pháp luật thì phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo qui định của pháp luật và Điều khoản này.

- 47.1. Trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Công ty phải công bố thông tin định kỳ theo quy định. Trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn hoàn thành báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo quy định.
- 47.2. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- Tài khoản của Công ty tại ngân hàng bị phong toả hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong toả;
  - Tạm ngừng kinh doanh;
  - Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;
  - Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 104 của Luật Doanh nghiệp;
  - Quyết định của Hội đồng quản trị về việc mua lại cổ phiếu của công ty mình hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; về ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật doanh nghiệp;
  - Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng của công ty; có bản án, quyết định của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm pháp luật về thuế;
  - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị về mức cổ tức được trả;
  - Khi có sự thay đổi nhân sự chủ chốt của Công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng).
- 47.3. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn bảy mươi hai (72) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn thực có trở lên;
  - Quyết định của Hội đồng quản trị về chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; quyết định thay đổi phương pháp kế toán áp dụng;
  - Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

- d. Quyết định về việc thành lập, mua, bán hoặc giải thể Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết.
- 47.4. Công ty phải công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- a. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;
  - b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 47.5. Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.
- 47.6. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện thông tin đại chúng, án phẩm của Công ty và các phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.

## CHƯƠNG XI

### QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU, HỒ SƠ, TÀI LIỆU CÔNG TY

#### **Điều 48. Con dấu và hồ sơ, tài liệu Công ty:**

- 48.1. Con dấu của Công ty:
- a. Hội đồng quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật. Con dấu được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty;
  - b. Con dấu là tài sản của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm tổ chức việc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành phù hợp với quy định của pháp luật;
- 48.2. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty:
- a. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:
    - Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty và sổ đăng ký cổ đông;
    - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm ; các giấy phép và giấy chứng nhận khác;
    - Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;
    - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; nghị quyết, quyết định của Công ty;
    - Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
    - Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra; kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
    - Sổ kế toán, chứng từ kế toán; Báo cáo tài chính hàng năm;



- Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.
- b. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại điểm a Điều 48.2 này tại trụ sở chính. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XII

### CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

#### **Điều 49. Chấm dứt hoạt động**

- 49.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty;
  - b. Toà án tuyên bố Công ty bị phá sản theo qui định của pháp luật hiện hành;
  - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Các trường hợp khác do pháp luật hoặc Điều lệ này qui định.
- 49.2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc

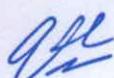
#### **Điều 50. Giải thể theo yêu cầu của cổ đông**

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét, quyết định giải thể Công ty nếu có một hay một số căn cứ sau:

- 50.1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo qui định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- 50.2. Đại hội đồng cổ đông không thể đạt được số phiếu cần thiết theo qui định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- 50.3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiếu nại về việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

#### **Điều 51. Thanh lý**

- 51.1. Khi Công ty chấm dứt hoạt động và giải thể theo Điều 49 của Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 51.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.



- 51.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- Các chi phí thanh lý;
  - Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho nhà nước;
  - Các khoản vay (nếu có);
  - Các khoản nợ khác của Công ty.
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo qui định của pháp luật.

## CHƯƠNG XIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

### **Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

- 52.1. Khi có tranh chấp phát sinh có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông giữa một cổ đông hay các cổ đông với Công ty, hoặc một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Điều hành hay cán bộ quản lý thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải kể cả thông qua trung gian hòa giải theo nguyên tắc sau:
- Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
  - Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập phải là tổ chức trọng tài, luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hòa giải.
- 52.2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền.
- 52.3. Mỗi bên sẽ chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí liên quan đến Toà án sẽ do Toà án quyết định.

## CHƯƠNG XIV HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### **Điều 53. Hiệu lực thi hành**

- 53.1. Nếu có những vấn đề mà Điều lệ này chưa qui định thì sẽ áp dụng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan trực tiếp.



- 53.2. Điều lệ này ràng buộc tất cả các cổ đông của Công ty, những người kế thừa hay nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông.

**Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

- 54.1. Trong quá trình hoạt động của Công ty, nếu có điều khoản nào trong Điều lệ này không còn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh doanh thực tế hoặc theo quy định mới của pháp luật thì Đại hội đồng cổ đông xem xét sửa đổi, bổ sung.
- 54.2. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải do Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

**Điều 55. Điều khoản cuối cùng**

- 55.1. Bản Điều lệ này bao gồm 14 Chương, 55 Điều, được Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại phiên họp ngày 26 tháng 4 năm 2012 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số: 163/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2012, chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- 55.2. Điều lệ này được lập thành tám (08) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
- Một (01) bản đăng ký tại cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh;
  - Một (01) bản gửi Bộ Công thương;
  - Một (01) bản gửi Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco;
  - Một (01) bản gửi Phòng Công chứng nhà nước của địa phương
  - Bốn (04) bản lưu trữ tại văn phòng Công ty.
- 55.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
- 55.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất của 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Bùi Quang Hải*